

DANH MỤC HÀNG HÓA GỬI RA CÔNG TRÌNH BIỂN
СПИСОК ГРУЗОВ ДЛЯ ОТПРАВКИ НА МОРСКИЕ ОБЪЕКТЫ (№ 20/2020)

Tàu dịch vụ / ТБС: VUNGTAU-06

Bắt đầu xếp hàng / Начало погрузки: 14:00 17/01/2020

Thời gian tàu rời bến / Отход в море: 22:00 17/01/2020(VER.1)

П/П	Tên công trình biển Наименов. Объектов	Hàng hóa được gửi Отправленный груз		SL đặt hàng Кол-во заявлени.		Cho dự án Lô Для Блока	Đơn vị gửi Заказчик
		№	Tên vật tư, hàng hóa Наименование груза	Kiện Место	Tấn тонн		
1	КьюЛонг <i><u>l-подход!</u></i>	1	Giá máy ĐVL (6.00x1.20)m	1 CONT	3.0 T	09-1	KПГ
		2	Container v/c VLN- <u>HÀNG ĐÓC HAI!</u> (2.40x1.40)m	2 CONT	6.0 T	-/-	-/-
		3	Container v/c súng BM (8.70x1.20)m	1 CONT	6.0 T	-/-	-/-
		4	Thùng đựng Bộ cáp treo vôi đốt và vật tư, phụ tùng liên quan (4.5x1.8)m	1 CONT	6.2 T	-/-	-/-
		5	FP-9L/16+BA-58L/1кр-р+FL-66L/2кр-р+CD-33L/26 (1.80x1.80)m	2 CONT	4.0 T	-/-	PБиKPC
		6	R-8L/36+MCS Spacer/3кан+Sealbon LT/140кг+Sealbon+/100кг (1.80x1.80)m	1 CONT	2.0 T	-/-	-/-
		7	<u>ЯСС-120мм (10.00x0.50)m</u>	1 пак	1.0 T	-/-	-/-
		8	Зип dv6 (1.80x1.80)m	1 CONT	2.5 T	-/-	-/-
		9	Тормоз электромагнитный - <u>Срочно!!!</u> (2.50x3.50)m	1 шт	13.0 T	-/-	-/-
		10	СБТ101м/180шт (9.5x0.5)m	12 пак	38.0 T	-/-	-/-
2	RP-2	1	ЗИП 6ft КТ 300 (1.80x1.80)m	1 CONT	1.0 T	09-1	ПДНГ
3	RP-3	1	ЗИП 6ft КТ 276 (1.80x1.80)m	1 CONT	3.5 T	09-1	ПДНГ
4	КПД	1	Container 10ft số ПГО-13 (3.00x2.40)m	1 CONT	4.0 T	09-1	ПГО
		2	Rọ đựng thùng nhựa gỗ (1.20x1.20)m	2 CONT	1.0 T	-/-	-/-
5	RC-4	1	<u>ЗИП 20ft КТ 93 (6.00x2.50)m</u>	1 CONT	4.0 T	09-1	ПДНГ
6	TamDao-02	1	Зип dv6+dv8 (2.40x1.80)m	2 CONT	5.0 T	09-1	PБиKPC
7	RC-1	1	XL-01-B44 kho máy hàn (2.00x1.70)m	1 CONT	2.5 T	09-1	ПСОРОНГД
		2	XL-01-D09 rọ giàn giáo (7.00x0.70)m	1 кас	1.5 T	-/-	-/-
		3	XL-01-B1,B17 thùng hàng (1.20x1.20)m	2 CONT	3.0 T	-/-	-/-
		4	XL-01-tời điện (1.20x1.20)m	1 шт	1.0 T	-/-	-/-
		5	<u>XL-01- bó ống (7.00x1.40)m</u>	1 пак	2.0 T	-/-	-/-
		6	XL- 01-E25 rọ argon (1.80x0.70)m	1 кас	0.7 T	-/-	-/-
8	TamDao-03	1	<u>VЗД 962/2шт (12.00x1.00)m</u>	2 пак	5.0 T	09-1	PБиKPC
		2	<u>ЯСС-203мм (10.00x0.50)m</u>	1 пак	1.0 T	-/-	-/-
		3	<u>ЛУБТ-203мм+165мм/12шт (10.00x0.50)m</u>	6 пак	14.0 T	-/-	-/-
		4	<u>Ящик MWD/2шт (10.00x0.50)m</u>	2 пак	4.0 T	-/-	-/-
		5	Зип dv6 (1.80x1.80)m	1 CONT	2.5 T	-/-	-/-
		6	<u>Цемент G/100т</u>	2 Балк	100.0 T	-/-	-/-
		7	FP-9L/56+A-3L/226+BA-58L/3кр-р+FL-66L/6кр-р (1.80x1.80)m	8 CONT	16.0 T	-/-	-/-
		8	CD-33L/106+R-8L/86+MCS Spacer/5кан (1.80x1.80)m	2 CONT	4.0 T	-/-	-/-
9	ЦТП-2	1	ЗИП 10ft КТ 10-07 (3.00x2.50)m	1 CONT	4.5 T	09-1	ПДНГ
10	МСП-8	1	Cont. BN01 - 72 (5.00x0.70)m	1 шт	1.5 T	09-1	МЭП

11	MСП-5	1	Zип dv6 (1.80x1.80)m	1 конт	2.5 т	09-1	ПБиКРС
		2	ПВО (2.50x2.50)m	1 шт	9.0 т	-/-	-/-
		3	Мостовые пробки (5.00x1.00)m	1 шт	4.0 т	-/-	-/-
12	ThTC-2	1	XL-05-Máy nén khí N05 (4.00x2.00)m	1 конт	4.7 т	09-1	ПСОРОНГД
		2	XL-05 -B43 Thùng dầu (2.00x1.40)m	1 конт	4.5 т	-/-	-/-
		3	XL04-B-81,54,02,09,80(thùng hàng) (2.60x1.60)m	5 конт	22.0 т	-/-	-/-
		4	XL-04-D-12(rọ hàng) (6.00x0.70)m	1 кас	4.5 т	-/-	-/-
		5	XL-04-(bó gổ) (3.00x1.50)m	1 пак	2.5 т	-/-	-/-
13	TamDao-01	1	<u>Barite/99t</u>	2 Балк	99.0 т	09-1	DMC-WS
		2	<u>Chemical in HH Container (3.00x3.00)m</u>	5 конт	23.0 т	-/-	-/-
		3	Chemical in 6Ft Container (1.80x1.80)m	13 конт	18.0 т	-/-	-/-
		4	Container v/c VLN- <u>HÀNG ĐỘC HẠI!</u> (2.40x1.40)m	3 конт	9.0 т	-/-	КПГ
		5	Container v/c súng BM (8.70x1.20)m	3 конт	18.0 т	-/-	-/-
		6	Zип dv8 (2.40x1.80)m	1 конт	2.5 т	-/-	ПБиКРС
		7	Zип vsp6 (1.80x1.80)m	1 конт	3.0 т	-/-	-/-
Tổng cộng - Всего:				73	445.4 т		

Chuyên viên TTĐĐSX / Гл.специалист ЦПДС: _____

